

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TU MƠ RÔNG
TỈNH KON TUM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:02/2017/HSST

Ngày 18/7/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TU MƠ RÔNG.
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Hành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Minh Tiến - Nghề nghiệp: Phó chủ tịch Hội Nông dân huyện Tu Mơ rông;

2. Bà Y Hương - Nghề nghiệp: Phó bí thư Huyện đoàn Tu Mơ Rông.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Công Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tu Mơ Rông tham gia phiên toà:
ông Phạm Hồng Phú - Kiểm sát viên.

Ngày 18/7/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tu Mơ Rông, tỉnh Kon Tum đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2017/HSST ngày 24/4/2017 đối với bị cáo:

A T; Tên gọi khác: **Không;** Sinh năm: 28/6/1999; tại Tu Mơ Rông – Kon Tum (đến ngày phạm tội bị cáo 17 tuổi 04 tháng 01 ngày);Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Làng Đ, xã T, huyện T, tỉnh K; Nghề nghiệp: Làm nông; Số CMND: 233261199, cấp ngày 01/3/2014 tại Công an tỉnh Kon Tum; Dân tộc: Xê Đăng; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn 10/12; Con ông A B, sinh năm 1979 và bà Y B, sinh năm 1979; cùng cư trú tại; Làng Đ, xã T, huyện T, tỉnh K; anh chị em ruột: có 2 anh em, bị cáo là con đầu.

Tiền án; Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay có mặt tại phiên tòa.

* *Người bị hại:* Anh A Đ; sinh năm: 1986 (đã chết).

* *Người đại diện hợp pháp cho bị hại:* Chị Y U (vợ của bị hại); sinh năm 1985; Trú tại: Làng V, xã T, huyện T, tỉnh K. Có Mặt.

* *Người bào chữa cho bị cáo:* ông Đinh Văn H – Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh K. Có Mặt.

* *Người phiên dịch (tiếng Xê Đăng) cho đại diện hợp pháp của bị hại:* Bà Y S; Trú tại: Làng V, xã T, huyện T, tỉnh K. Có Mặt.

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh A B; sinh năm: 1979;

2. Chị Y B; sinh năm 1979;

Cùng trú tại: Làng Đ, xã T, huyện T, tỉnh K. Đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 29/10/2016, giữa anh A Đ và ông A B tại làng Đ, xã T, huyện T, có xảy ra xô xát, đánh nhau do có việc mâu thuẫn về tiền trợ cấp công an viên. Tuy nhiên, được mọi người can ngăn A Đ và A B không đánh nhau nữa, A Đ đi ra ngoài đường bê tông trước nhà A B ngồi. Đúng lúc này, A T nghe tin bố bị đánh chạy về thấy A Đ có máu chảy trên mặt nghĩ A Đ mới đánh nhau với bố mình, cũng như T bức tức chuyện lúc chiều T có can ngăn mâu thuẫn giữa bố mình và A Đ, nhưng lại bị A Đ đâm một cái vào má mình, đúng lúc thấy Đ đang đứng dậy lom khom ngoài đường bê tông, thì A T đã ra chỗ A Đ và dùng tay trái túm tóc A Đ, tay phải đâm mạnh thẳng vào mặt làm A Đ ngã ngửa đập đầu xuống đường bê tông, T tiếp tục dùng chân trái đá trượt một phát qua vai trúng vào vùng giữa cổ và mang tai và một phát trúng vào đầu A Đ. A T khi vào trong nhà thấy bố mình không bị thương nên quay lại chỗ A Đ đang nằm dùng chân phải đạp một phát vào bụng A Đ. Sau đó, được mọi người can ngăn, một lúc sau vợ A Đ là chị Y U đến dẫn A Đ về nhà ngủ. Đến ngày 01/11/2016 thấy A Đ có nhiều biểu hiện mê man, nôn ói nên chị U đã đưa Đ đến Trung tâm y tế huyện T cấp cứu, sau đó chuyển đến bệnh viện Đa khoa tỉnh K điều trị. Đến ngày 06/11/2016 thì A Đ chết.

Tại bản Kết luận giám định pháp y số:80/TT-TTPY ngày 06/11/2016 của Trung tâm pháp y tỉnh K kết luận: Nguyên nhân A Đ chết do chấn thương sọ não.

Bản cáo trạng số:02/CT-VKS ngày 18/4/2016 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tu Mơ Rông đã truy tố đối với bị cáo A T về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại khoản 3 Điều 104 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Tu Mơ Rông thực quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: Khoản 3 Điều 104, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 33; 69 và Điều 74 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt:

A T từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù.

Ngoài ra, còn đề nghị HĐXX xử lý về phần trách nhiệm dân sự và án phí theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của bị cáo A T: Nhất trí như nội dung bản cáo trạng và lời luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tu Mơ Rông, không đề nghị gì thêm.

Luật sư Đinh Văn H bào chữa cho bị cáo A T có ý kiến: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo A T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội Luật sư không có ý kiến gì. Tuy nhiên, Luật sư đề nghị HĐXX xem xét lại hành vi phạm tội của bị cáo theo khoản 3 Điều 104 BLHS như Viện kiểm sát đề nghị có cơ sở để chấp nhận hay không? Vì lý do: Như lời khai của chị U vợ bị hại Đ khai, sau khi sự việc xảy ra tại nhà A B về thì A Đ không bị thương tích gì, chỉ có vết sưng ở mặt, đến ngày hôm sau Đ vẫn tự đi xe máy một mình đến nhà A B, tối về ngủ vẫn bình thường. Ngoài ra, trên mặt anh A Đ có vết xây xước ở trán, vết thương này do đâu mà có? Tại kết luận giám định pháp y kết luận A Đ chết do chấn thương sọ não, xuất huyết não do dị dạng mạch máu não. Giả sử A Đ không bị dị dạng mạch máu não thì có chết không? Nếu cấp cứu kịp thời A Đ có chết không? Về mức hình phạt đề nghị HĐXX cần áp dụng Điều 7 BLHS 2015 những tính tiết có lợi cho người phạm tội đối với bị cáo là người chưa thành niên, áp dụng Điều 47 hạ khung hình phạt cho bị cáo ở mức thấp nhất.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã làm rõ, sau khi anh A Đ bị A T đánh cho đến khi đi cấp cứu và chết, thì anh A Đ không bị té ngã bất kỳ ở đâu, vết sưng ở mặt là do sự việc đánh nhau ngày 29/10/2016 mà có. Nguyên nhân chết của bị hại là do chấn thương sọ não và dẫn đến xuất huyết não do dị dạng mạch máu não. Khi anh Đ có biểu hiện bất thường gia đình nạn nhân cũng đã đưa đi cấp cứu. Do đó, Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm luận tội như trên.

Ý kiến của người đại diện hợp pháp cho bị hại về hành vi phạm tội của bị cáo: Nhất trí với ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Tòa án xét xử đúng pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo không nói gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện Tu Mơ Rông, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tu Mơ Rông, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo

Luật sư bào chữa cho bị cáo xuất trình tài liệu, chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật; những người tham gia tố tụng trong vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về hành vi cấu thành tội phạm: Bị cáo A T khai nhận ngày 29/10/2016 bị cáo đã dùng tay trái túm tóc A Đ, tay phải đâm mạnh thẳng vào mặt làm A Đ ngã ngửa đập đầu xuống đường bê tông, T tiếp tục dùng chân trái đá trượt một phát qua vai trúng vào vùng giữa cổ và mang tai và một phát trượt vào đầu A Đ và có dùng chân phải đạp một phát vào bụng A Đ. Tại bản Kết luận giám định pháp y số:80/TT-TTPY ngày 06/11/2016 của Trung tâm pháp y tỉnh K kết luận: Nguyên nhân A Đ chết do chấn thương sọ não.

Xét hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó của bị cáo thể hiện tính coi thường pháp luật, xem thường tính mạng, sức khỏe của người khác. Hành vi của bị cáo đã làm mất trật tự tri an xã hội gây tâm lý hoang mang lo sợ cho quần chúng nhân dân tại địa phương. Bản thân bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhận thức được hành vi phạm tội của mình là sai trái nhưng vẫn thực hiện. Hành vi dùng tay phải đâm mạnh thẳng vào mặt làm A Đ ngã ngửa đập đầu xuống đường bê tông gây thương tích của bị cáo A T đây là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến cái chết cho bị hại. Hành vi của bị cáo Thuận đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe, tính mạng của anh Đem được pháp luật bảo vệ. Do đó, bị cáo A T phải chịu trách nhiệm do hậu quả của mình gây ra cho người bị hại.

Như vậy có đủ cơ sở pháp lý kết luận hành vi của bị cáo bị cáo A T phạm tội "Cố ý gây thương tích" được quy định tại khoản 3 Điều 104 Bộ luật hình sự như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đánh giá tính chất vụ án là nghiêm trọng, nên cần phải xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo gây ra.

Về tình tiết định khung hình phạt:

Hành vi của bị cáo không vi phạm các tình tiết định khung tăng nặng khác nên chỉ xét xử ở khoản 3 Điều 104 bộ luật hình sự.

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Vào buổi chiều cùng ngày gây thương tích, bị cáo T không có xích mích, mâu thuẫn gì với bị hại A Đ, nhưng vì can ngăn mâu thuẫn giữa bố mình và A Đ, nên đã bị anh A Đ đâm một phát vào mặt, do bức tức hành vi bị hại gây ra cho mình nên đã gây thương tích cho anh Đ. Do đó, bị cáo không phải chịu tình tiết định khung tăng nặng "Có tính chất côn đồ" là có căn cứ.

Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã tỏ ra ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo, bị cáo có nhân thân tốt, sau khi phạm tội đã tác động gia đình bồi thường một phần thiệt hại cho gia đình bị hại, gia đình bị cáo có ông bà được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhất và Huân chương kháng chiến hạng Nhì. Đây là các tình tiết giảm nhẹ một phần hình phạt quy định tại điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật hình sự, khi phạm tội bị cáo là người chưa thành niên nên cần áp dụng các Điều 68; 69 và Điều 74 Bộ luật hình sự áp dụng cho bị cáo T, để giảm một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình. Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo, để từ đó bị cáo thấy được tính nghiêm minh của pháp luật và lượng khoan hồng của nhà nước ta mà tích cực cải tạo trở thành người có ích cho xã hội. Tuy nhiên căn cứ vào tính chất hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Trong vụ án này: anh A B và A Đ trước đó có xảy ra xô xát nhau nhưng đã được mọi người can ngăn, A B có hành vi dùng chân đá hai cái vào mông A Đ sau khi A Đ bị T đánh đập đầu xuống đường bê tông. Xét thấy hành vi của A B và A B không phải nguyên nhân gây nên chấn thương sọ não dẫn đến A Đ tử vong, cũng như A B, A B và A T không bàn bạc, phân công, cùng chung ý chí cố ý thực hiện tội phạm nên không có yếu tố, tính chất đồng phạm. Do đó, không đủ căn cứ để xem xét, xử lý trách nhiệm hình sự đối với A B và A B. Cơ quan Cảnh sát Điều tra công an huyện Tư Mơ Rông đã xử phạt hành chính với A B và A B là đúng quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự:

- *Đối với chi phí cho việc cứu chữa và mai táng phí cho bị hại:* Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường số tiền 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng) cho bị hại, tại phiên tòa hôm nay đại diện hợp pháp cho bị hại không yêu cầu thêm đối với hai khoản tiền này, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Đối với khoản tiền cấp dưỡng:* Bị hại có hai con là Y Q, sinh ngày 10/12/2010 và A Đ, sinh ngày 30/10/2014. Tại phiên tòa hôm nay, đại diện hợp pháp của bị hại chị Y U yêu cầu bị cáo T phải bồi thường cấp dưỡng cho hai cháu theo hình thức một lần, số tiền là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng). Giữa bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại tại phiên tòa không thỏa thuận được khoản tiền cấp dưỡng, do đó Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay, bị cáo A T, chưa có nghề nghiệp ổn định, sống phụ thuộc vào bố mẹ, vì vậy việc yêu cầu hình thức và mức cấp dưỡng của chị Y U là không phù hợp với khả năng thực tế của bị cáo. Do đó, để bị cáo dễ dàng, thuận lợi, phù hợp nhất trong việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải cấp dưỡng để nuôi hai cháu Y Q và A Đ mỗi cháu 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) trên tháng, hai cháu là 1.000.000đ (một triệu

đồng) trên tháng, cho đến khi các cháu trưởng thành, tự lập được. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày anh A Đ chết ngày 06/11/2016.

Về án phí: Bị cáo là đồng bào dân tộc thiểu số, sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. *Tuyên bố:* bị cáo A T phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Áp dụng: Khoản 3 Điều 104, Điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 33; Điều 68; Điều 69 Điều 74 Bộ luật hình sự.

Xử phạt:

A T 03 (ba) năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án.

2. *Về trách nhiệm dân sự:* Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 584; 585 và Điều 591 của Bộ luật dân sự 2015 tuyên:

Buộc bị cáo A T phải cấp dưỡng cho cháu Y Q, sinh ngày 10/12/2010 và cháu A Đ, sinh ngày 30/10/2014, số tiền cấp dưỡng cho mỗi cháu là 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) trên tháng, hai cháu là 1.000.000đ (một triệu đồng) trên tháng, cho đến khi các cháu trưởng thành, tự lập được hoặc có quyết định khác thay thế. Thời gian trả tiền vào ngày 06 hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 06/11/2016.

Căn cứ: Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015, kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.

3. *Về án phí:* Căn cứ Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và kèm theo danh mục mức án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo A T được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo đối với Bản án:* Căn cứ Điều 231, 234 Bộ luật Tố tụng hình sự trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (18/7/2017). Bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, Người bào chữa có quyền làm đơn kháng cáo để xin xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tu Mơ Rông;
- Công an huyện Tu Mơ Rông;
- Công an tỉnh Kon Tum;
- Bị cáo;
- Đại diện hợp pháp cho bị hại;
- Người bào chữa;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- Người có QLNVLQ;
- Sở tư pháp tỉnh Kon Tum;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

NGUYỄN HÀNH